

Bản án số: 1122/2017/LĐ-PT
Ngày: 12/12/2017
V/v Tranh chấp tiền lương sau
khi chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hiền

Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh;
Ông Đỗ Giang,

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nguyễn Phương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12/12/2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số lao động thụ lý số 72/2017/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc: “Tranh chấp tiền lương sau khi chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 50/2017/LĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 6470/2017/QĐ-PT và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2738/2017/QĐPT-LĐ cùng ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Đức H - sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Số X P, Phường I, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại A

Địa chỉ: Lô C Cụm Công nghiệp R, phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Bùi Đức T – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn: Ông Trần Công H, sinh năm 1984. (Theo Giấy ủy quyền không số ngày 04/7/2017). (Có mặt)

- Người kháng cáo: Ông Bùi Đức H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Đức H trình bày:**

Ông Bùi Đức H làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại A (gọi tắt là công ty) từ ngày 01/7/2003, công việc chính là mua vật tư cho công ty, hai bên có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn vào ngày 01/01/2008. Trong quá trình làm việc ông luôn hoàn thành nhiệm vụ. Hàng tháng ngoài tiền lương trong sổ sách 7.000.000 đồng thì công ty còn đưa thêm 7.000.000 đồng, đây là lương ngoài sổ. Đến tháng 7 năm 2014 do công ty thay đổi cách làm việc, ông không đến công ty mà ở nhà, nếu công ty cần thì điện thoại cho ông đi mua vật tư. Tuy nhiên từ tháng 7/2014 trở đi thì công ty không yêu cầu ông mua vật tư nữa, nhưng hàng tháng công ty cho người mang tiền lương 7.000.000 đồng đến nhà ông, ông nhận tiền mà không ký nhận bằng lương; thời gian này công ty không trả lương ngoài sổ. Hàng tháng ông vẫn trích tiền lương để đóng bảo hiểm xã hội. Đến tháng 02/2016 công ty cắt luôn tiền lương 7.000.000 đồng. Sau đó đến tháng 12/2016 công ty bắt buộc ông làm đơn xin nghỉ việc để được về hưu sớm, ông đã làm đơn xin về hưu và công ty đã cho ông nghỉ việc. Ngày 19/01/2017 công ty đã trả cho ông các khoản phụ cấp là 67.331.500 đồng. Sau đó ông phát hiện công ty có nhiều sai phạm và tự ý trừ lương của ông trong suốt thời gian dài nên ông khởi kiện.

Các yêu cầu khởi kiện của ông H:

- Hàng năm công ty phát tiền thâm niên theo cách tính mỗi năm làm việc là 1.000.000 đồng, ông làm việc 13 năm, tiền thâm niên năm 2014 là 12.000.000 đồng, năm 2015 là 13.000.000 đồng, công ty phải tiền thâm niên của năm 2014, 2015 là 23.000.000 đồng.

- Công ty phải trả tiền lương trong sổ sách từ tháng 02/2016 đến tháng 12/2016 là $11^{\text{tháng}} \times 7 \text{ triệu} = 77.000.000$ đồng.

- Công ty phải trả lương ngoài sổ, 7.000.000 đồng/tháng, từ tháng 3/2014 đến tháng 12/2016 là 238.000.000 đồng.

- Công ty phải trả tiền com theo mức tính 16.000 đồng/1 buổi, tính từ tháng 03/2006 đến ngày nghỉ việc là 10 năm 6 tháng, số tiền là 61.280.000 đồng.

- Tháng 6/2013 ông và vợ con đăng ký đi du lịch cùng công ty tại Đà Nẵng, vợ con ông thuộc diện miễn chi phí du lịch nhưng sau đó công ty tự ý trừ tiền vé máy bay, mức trừ mỗi tháng 500.000 đồng, công ty trừ 12 tháng, đến tháng 6/2014 thì ông phát hiện, do vậy ông yêu cầu công ty trả lại ông số tiền này là 6.000.000 đồng.

- Ông làm việc từ năm 2003 nhưng công ty đóng BHXH cho ông tính từ 01/01/2005 mà không đóng BHXH năm 2004. Đến ngày ông nghỉ việc, công ty giao cho ông sổ BHXH thì ông mới biết sổ BHXH của ông không có số liệu năm 2004. Do vậy ông yêu cầu công ty phải đóng BHXH cả năm 2004 cho ông theo mức lương của năm 2005 là 800.000 đồng/tháng và đóng đủ thời gian để ông hưởng lương hưu.

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Công H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại A trình bày:**

Ông Bùi Đức H là anh ruột của ông Bùi Đức T (giám đốc công ty). Ông H có làm việc tại công ty từ năm 2005, công việc chính là mua vật tư. Công ty và ông H có ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn số HĐ11/05 ngày 01/01/2008, ngày 01/01/2011 hai bên ký phụ lục hợp đồng cùng số HĐ 11/05 về việc xác định mức lương 5.150.000 đồng/tháng tính từ ngày 01/01/2015. Quá trình làm việc ông H đã gây ra nhiều tắc trách và không hoàn thành công việc của mình nên từ tháng 7/2014, ông T không giao việc cho ông H nữa. Tuy nhiên vì muốn giúp H có tiền chăm lo gia đình và về sau được hưởng chế độ về bảo hiểm nên ông T vẫn giữ tên ông H trong danh sách người lao động của công ty. Theo sổ sách, mức lương chính của ông H là 5.150.000 đồng, phụ cấp nhà trọ 210.000 đồng, phụ cấp khác 1.300.000 đồng, công ty đóng toàn bộ bảo hiểm xã hội cho ông H. Do tiền lương theo sổ sách 6.600.000 đồng/tháng nên ông T bỏ thêm tiền cho đủ 7.000.000 đồng, thực ra đây là tiền chu cấp hàng tháng của ông T cho ông H chứ không phải tiền lương vì thực tế từ tháng 7/2014 trở đi ông H đã không còn làm việc cho công ty.

Đến tháng 02/2016 do mâu thuẫn trong nội bộ gia đình, ông H làm nhiều việc ảnh hưởng đến uy tín công ty nên ông T không chu cấp 7.000.000 đồng /tháng nữa. Công ty mời ông H lên làm việc để thỏa thuận chấm dứt sự việc ông H là người lao động của công ty. Ông H đã làm đơn nghỉ việc, ngày 22/12/2016 công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông H kể từ ngày 26/12/2016, ngày 19/01/2017 công ty đã thanh toán các khoản trợ cấp thôi việc, tiền phép năm 2016 cho ông H và hỗ trợ thêm 50.000.000 đồng, tổng công công ty đã giao cho ông H 67.331.500 đồng.

Công ty không chấp nhận tất cả các yêu cầu của ông H đưa ra. Công ty yêu cầu tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện.

*** Tại bản án số 50/2017/LĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 32, Điểm a khoản 1 Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, Điểm e Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 6, Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Áp dụng Điều 3, Điều 153, Điều 154 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “tranh chấp về tiền lương sau khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” của nguyên đơn.

1.1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại A có trách nhiệm trả lương từ tháng 02/2016 đến tháng 12/2016 cho ông Bùi Đức H, số tiền 73.260.000 đồng (bảy mươi ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại A phải đóng bảo hiểm xã hội năm 2004 cho ông Bùi Đức H theo mức lương 800.000 đồng/tháng; công ty phải đóng bảo hiểm xã hội là 1.440.000 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), ông H phải nộp 480.000 đồng (bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Bác các yêu cầu sau của nguyên đơn: Yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại A trả tiền lương ngoài sổ 7.000.000 đồng/tháng (bảy triệu đồng), trả tiền cơm trưa 61.280.000 đồng (sáu mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và nộp bảo hiểm xã hội cho đủ thời gian để nguyên đơn hưởng lương hưu.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn trả tiền thâm niên 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng) và tiền vé máy bay 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

4. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại A phải chịu án phí 2.241.000 đồng (hai triệu hai trăm bốn mươi một nghìn) đồng.

Nguyên đơn được miễn án phí về lao động; Hoàn trả tạm ứng án phí 1.009.200 đồng (một triệu không trăm lẻ chín nghìn hai trăm) đồng lại cho nguyên đơn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0024560 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 22/9/2017, nguyên đơn ông Bùi Đức H nộp đơn kháng cáo đề ngày 22/9/2017, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người kháng cáo là ông Bùi Đức H trình bày:

Ông Bùi Đức H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, trừ phần tiền lương chính thức ông đồng ý theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, cụ thể:

+ Tiền thâm niên của năm 2014, 2015 là 23.000.000 đồng (bao gồm tiền thâm niên năm 2014 là 12.000.000 đồng, tiền thâm niên năm 2015 là 13.000.000 đồng); tiền lương ngoài sổ là 7.000.000 đồng/tháng từ tháng 3/2014 đến tháng 12/2016 là 238.000.000 đồng;

+ Tiền cơm theo mức tính 16.000 đồng/1 buổi, tính từ tháng 03/2006 đến ngày nghỉ việc là 10 năm 6 tháng, số tiền là 61.280.000 đồng;

+ Ông H làm việc từ năm 2003 nhưng Công ty đóng BHXH cho ông tính từ 01/01/2005 mà không đóng BHXH năm 2004. Đến ngày ông nghỉ việc, công ty giao cho ông sổ BHXH thì ông mới biết sổ BHXH của ông không có số liệu năm 2004. Do vậy ông yêu cầu công ty phải đóng BHXH cả năm 2004 cho ông theo mức lương của năm 2005 là 800.000 đồng/tháng và đóng đủ thời gian để ông hưởng lương hưu;

+ Ngoài ra, tháng 6/2013 ông và vợ con đăng ký đi du lịch cùng công ty tại Đà Nẵng, vợ con ông thuộc diện miễn chi phí du lịch nhưng sau đó công ty tự ý trừ tiền vé máy bay, mức trừ mỗi tháng 500.000 đồng, công ty trừ 12 tháng, đến tháng 6/2014 thì ông phát hiện, do vậy ông yêu cầu công ty trả lại ông số tiền này là 6.000.000 đồng.

- Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất – Thương mại A có người đại diện theo ủy quyền ông Trần Công H trình bày:

Theo bản án sơ thẩm, Công ty trả cho ông H tiền lương từ tháng 02/2016 đến tháng 12/2016 số tiền là 73.260.000 đồng (6.660.000 đồng x 11 tháng), tiền bảo hiểm xã hội năm 2004 là 1.440.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty tự nguyện trả thêm cho ông H số tiền lương thực lãnh là 7.000.000 đồng/tháng (lương theo sổ) như yêu cầu kháng cáo của ông H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty TNHH Sản xuất Thương mại A tự nguyện mà ông H thực lãnh là 7.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 02/2016 đến tháng 12/2016, nên số tiền ông H được nhận thêm là 4.400.000 đồng. Đối với số tiền cơm 16.000 đồng/buổi khi ký hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng giữa ông và Công ty không có thỏa thuận, ông H cũng không đưa ra chứng cứ chứng minh nên yêu cầu kháng cáo của ông H đối với tiền cơm 16.000 đồng/buổi là không có căn cứ. Đối với yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội đến khi nghỉ hưu: Ngày 21/12/2015 ông H có đơn xin nghỉ việc và được

Công ty đồng ý cho ông nghỉ từ ngày 26/12/2016 nên yêu cầu kháng cáo của ông không có căn cứ chấp nhận. Về yêu cầu đòi tiền thâm niên năm 2014, 2015 và tiền vé máy bay: Căn cứ vào hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động được ký kết giữa hai bên thì không có điều khoản nào quy định Công ty phải trả tiền thâm niên và tiền vé máy bay cho người thân đi du lịch cùng. Mặt khác, việc ông không nhận được tiền thâm niên năm 2014, 2015 nhưng đến tháng 6/2017 ông khởi kiện nên căn cứ khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012 thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền thâm niên và tiền vé máy bay của ông H là có căn cứ. Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi Đức H về trả tiền lương theo sổ nên sửa bản án lao động sơ thẩm số 50/2017/LĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức H làm trong thời hạn luật định, thuộc trường hợp không phải tạm nộp án phí phúc thẩm, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

* Về nội dung kháng cáo: Ông Bùi Đức H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, trừ phần tiền lương chính thức.

[1] Xét yêu cầu buộc Bị đơn đóng bảo hiểm xã hội cả năm 2004 và đóng đủ thời gian để ông Bùi Đức H hưởng lương hưu:

Theo các đương sự trình bày thì ông H làm việc cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại A từ năm 2003, đến 26/12/2016 chấm dứt hợp đồng lao động (Biên bản hòa giải ngày 28/8/2017, Đơn xin nghỉ việc - BL 23,80,81), nhận được sổ Bảo hiểm xã hội vào đầu năm 2017. Tuy phía bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nhưng theo quy định tại Điều 148, Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012: *“Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm”* thì đến ngày 26/5/2017, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết về bảo hiểm xã hội (BHXH) năm 2004 là còn thời hiệu khởi kiện. Theo khoản 1 Điều 38 Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam bị đơn phải đóng BHXH năm 2004 cho ông H. Xét thấy, phía Bị đơn không có chứng cứ về mức lương của ông H thời điểm năm 2004 nên yêu cầu của nguyên đơn về việc sử dụng mức lương năm 2005 để đóng BHXH là có cơ sở chấp nhận. Như vậy, Công ty phải đóng BHXH cho ông H theo mức lương 800.000 đồng/tháng, công ty đóng 15%, ông H đóng 5% (BL 47). Số tiền công ty phải

đóng BHXH là 1.440.000 đồng, ông H là người lao động phải nộp 480.000 đồng.

Đồng thời, ông H yêu cầu công ty phải nộp BHXH cho đủ thời gian để ông hưởng lương hưu là không có cơ sở vì ông H đã có đơn xin nghỉ việc từ ngày 26/12/2016 (BL23), công ty chỉ có trách nhiệm đóng BHXH trong thời gian hợp đồng lao động có hiệu lực.

[2] Về yêu cầu đòi tiền lương ngoài sổ và tiền cơm trưa:

Ông Bùi Đức H yêu cầu đòi Công ty TNHH Sản xuất Thương mại A trả cho ông tiền lương ngoài sổ là 7.000.000đồng/tháng, từ tháng 3/2014 đến tháng 12/2016 là 238.000.000 đồng; Tiền cơm theo mức tính 16.000 đồng/1 buổi, tính từ tháng 03/2006 đến ngày nghỉ việc là 10 năm 6 tháng, số tiền là 61.280.000 đồng. Xét Hợp đồng lao động và Phụ lục Hợp đồng số HĐ 11/05 (BL 27,28), Bảo hiểm xã hội (BL 47) thể hiện mức lương chính là 5.150.000 đồng/tháng; Bảng lương công ty thể hiện ngoài lương chính (5.150.000 đồng/tháng) còn có tiền nhà trọ, phụ cấp, tiền lễ, ngày nghỉ hưởng lương tổng cộng là 6.660.000 đồng/tháng. Các tài liệu này không thể hiện ông H và phía Công ty thỏa thuận mức lương cao hơn 6.600.000 đồng/tháng và cũng không thể hiện có thỏa thuận về tiền cơm trưa. Nguyên đơn không chứng minh có thỏa thuận về tiền cơm trưa trong hợp đồng lao động, cũng như không chứng minh được số tiền 7.000.000 đồng mà nguyên đơn gọi là lương ngoài sổ, là tiền lương mà công ty và nguyên đơn đã thỏa thuận khi ký kết hợp đồng lao động, vì vậy Tòa cấp sơ thẩm nhận định theo Khoản 1,4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ, yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi tiền lương ngoài sổ 238.000.000 đồng và tiền cơm trưa 61.280.000 đồng, là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về yêu cầu đòi tiền thâm niên và tiền vé máy bay:

Ông Bùi Đức H yêu cầu đòi Công ty TNHH Sản xuất Thương mại A trả cho ông tiền thâm niên của năm 2014, 2015 là 23.000.000 đồng (tiền thâm niên năm 2014 là 12.000.000 đồng, tiền thâm niên năm 2015 là 13.000.000 đồng); Ngoài ra, tháng 6/2013 ông và vợ con đăng ký đi du lịch cùng công ty tại Đà Nẵng, vợ con ông thuộc diện miễn chi phí du lịch nhưng sau đó công ty tự ý trừ tiền vé máy bay, mức trừ mỗi tháng 500.000 đồng, công ty trừ 12 tháng, đến tháng 6/2014 thì ông phát hiện, do vậy ông yêu cầu công ty trả lại ông số tiền này là 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn xác định thời điểm biết việc công ty trừ tiền vé máy bay là tháng 4/2014, không được nhận tiền thâm niên năm 2014, 2015 là cuối năm 2015 nhưng không tiến hành khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình mà đến tháng 6/2017 mới khởi kiện. Phía bị đơn đã có yêu cầu Tòa áp dụng thời hiệu trước khi Tòa cấp sơ thẩm chưa ra bản án, quyết định giải quyết vụ án, căn cứ Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012 thì thời hiệu của nguyên đơn đã hết, nên bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu là có cơ sở. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền thâm niên và tiền vé máy bay của nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại A tự nguyện trả tiền lương trong sổ thực lãnh là 7.000.000 đồng/tháng cho ông Bùi Đức H tính từ tháng 02/2016 đến tháng 12/2016, nên số tiền ông H được nhận thêm là 4.400.000 đồng; là có lợi cho ông H và không trái luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận; vì vậy cần sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa. Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không kháng nghị, do đó căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật dân sự năm 2015, các quyết định khác của bản án lao động sơ thẩm số 50/2017/LĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị nên vẫn giữ nguyên.

- Về án phí lao động sơ thẩm: người khởi kiện thuộc trường hợp không phải nộp án phí, theo quy định pháp luật.

- Về án phí lao động phúc thẩm: do sửa án một phần bản án sơ thẩm và người kháng cáo thuộc trường hợp không phải nộp án phí, nên ông H không phải nộp án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 92, Điều 148, Điều 184, Điều 217, Điều 293, Điều 306, khoản 2 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 148, Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 6, Điều 201, Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức H trong hạn luật định nên hợp lệ.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức H. Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 50/2017/LĐ-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện “tranh chấp về tiền lương sau khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” của nguyên đơn.

1.1. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại A trả tiền lương mà ông Bùi Đức H thực lãnh là 7.000.000 đồng/tháng tính từ tháng

02/2016 đến tháng 12/2016, nên số tiền ông H được nhận thêm là 4.400.000 đồng; tổng cộng là 77.000.000 đồng.

1.2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại A phải đóng bảo hiểm xã hội năm 2004 cho ông Bùi Đức H theo mức lương 800.000 đồng/tháng; công ty phải đóng bảo hiểm xã hội là 1.440.000 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), ông H phải nộp 480.000 đồng (bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi Đức H về việc: Yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại A trả tiền lương ngoài sổ 7.000.000 đồng/tháng (bảy triệu đồng), trả tiền cơm trưa 61.280.000 đồng (sáu mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) và nộp bảo hiểm xã hội cho đủ thời gian để nguyên đơn hưởng lương hưu.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc bị đơn trả tiền thâm niên 23.000.000 đồng (hai mươi ba triệu đồng) và tiền vé máy bay 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

4. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

5. Án phí lao động sơ thẩm:

- Ông Bùi Đức H không phải chịu. Hoàn trả tạm ứng án phí 1.009.200 đồng (một triệu không trăm lẻ chín nghìn hai trăm đồng) lại cho ông H theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0024560 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại A phải chịu án phí 2.353.200 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi ba nghìn hai trăm đồng).

6. Án phí lao động phúc thẩm: ông Bùi Đức H không phải chịu. Hoàn trả tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lại cho ông H theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0034278 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Quận B;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Trương Văn Hiền

